TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ- ST
Ngày: 11-02-2025
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Như Lữ; ông Lường Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cà Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Thào A Sùng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 08/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024, về việc: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hờ Thị D**, sinh năm: 1992.

Nơi cư trú: Bản PC, xã PNh, huyện ĐBĐ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Hạng A Nh**, sinh năm: 1993.

Nơi cư trú: Bản PNh, xã PNh, huyện ĐBĐ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/11/2024 và trong quá trình xét xử, Nguyên đơn chị Hờ Thị D trình bày:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh Nh lấy nhau, đăng ký kết hôn ngày 07/7/2014 tại Ủy ban nhân dân xã PNh, huyện ĐBĐtỉnh Điện Biên. Việc kết hôn trên tinh thần tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về sống chung tại bản PNh đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống khác nhau. Chị và anh Nh đã ly thân từ cuối năm 2022 cho đến nay. Chị Hờ Thị D không còn tình cảm với anh Hạng A Nh nữa. Do vậy, chị Hờ Thị D đề

nghị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên giải quyết cho chị ly hôn với anh Hạng A Nh.

[2]. Về con chung, con riêng: Chị D và anh Nh không có con chung.

[3]. Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn: Ngày 29 tháng 11 năm 2024, sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho anh Nh qua đường bưu điện.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông đã cử cán bộ xuống bản PNh, xã P, huyện ĐBĐ, tỉnh Điện Biên để xác minh. Tại biên bản xác minh ngày 20/12/2024 tại bản Pu Nhi A, xã Pu Nhi, chính quyền địa phương đã xác nhận anh Hạng A Nh cư trú tại bản Pu Nhi A có vợ là chị Hờ Thị D. Quá trình sinh sống hai vợ chồng không có con chung, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn hiện hai vợ chồng đã ly thân, chị D đã về nhà bố mẹ đẻ ở Pu Cai để sinh sống. Thời điểm xác minh anh Nh đi làm thuê không ở nhà do anh Nh không báo nên chính quyền không nắm được cụ thể anh Nh đi làm ở đâu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị Hờ Thị D cho chị D được ly hôn anh Hạng A Nh. Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Chị D không đề nghị Tòa giải quyết nên không xem xét. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Hờ Thị D.

Tại phiên tòa hôm nay chị Hờ Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản như nội dung đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Hờ Thị D đối với anh Hạng A Nh và các tài liệu, chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Hờ Thị D, Tòa án xác định đây là vụ án: "***Ly hôn"***.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại bản Pu Nhi A, xã Pu Nhi, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Ngày 09 tháng 01 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử và tống đạt hợp lệ cho anh Hạng A Nh tuy nhiên đến ngày 24/01/2025, anh Nh không đến phiên tòa và không có đơn xin xét xử vắng mặt do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 233, Điều 235 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông đã tống đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa cho anh Hạng A Nh. Tại phiên tòa ngày hôm nay, anh Hạng A Nh tiếp tục vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[4]. Về điều luật áp dụng: Chị D và anh Nh lấy nhau và đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Pu Nhi, huyện Điện Biên Đông ngày 07/7/2014, Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[5]. Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh Nh chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Pu Nhi, huyện Điện Biên Đông. Việc kết hôn trên tinh thần tự nguyện các bên kết hôn khi đã đủ điều kiện kết hôn. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh Nh là hợp pháp. Hiện tại chị D không còn tình cảm với anh Nh. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị D và anh Nh là tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Chính quyền địa phương cũng xác nhận trong quá trình sống chung chị D và anh Nh thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Hiện chị D thấy không còn tình cảm với anh Nh, chị D và anh Nh đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định việc chị D cho rằng hai vợ chồng không còn hạnh phúc, chị D không còn tình cảm với anh Nh là đúng. Xét tình trạng thực tế giữa hai vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định chị D và anh Nh không còn tình cảm, không cùng chung sống vun vén hạnh phúc gia đình. Do đó, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Hờ Thị D, giải quyết cho chị Hờ Thị D ly hôn với anh Hạng A Nh.

[6]. Về con chung, con riêng: Chị D và anh Nh không có con chung.

[7]. Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Chị Hờ Thị D không đề nghị Tòa án giải quyết, trong quá trình giải quyết vụ án anh Hạng A Nh không có ý kiến gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Án phí: Quá trình giải quyết vụ án chị Hờ Thị D có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí. Tại phiên tòa chị tiếp tục đề nghị HĐXX xem xét

miễn tiền án phí DSTT cho chị, bởi vì, bản thân và gia đình chị là người dân tộc Mông đang cư trú tại xã Pu Nhi, huyện Điện Biên Đông nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Vì vậy, cần áp dụng Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Hờ Thị D là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Điều 53, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn chị Hờ Thị D được ly hôn với bị đơn anh Hạng A Nh.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương. Chị Hờ Thị D không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hờ Thị D được miễn án phí DSST.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Hờ Thị D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11/02/2025). Bị đơn anh Hạng A Nh vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Hồng Quang

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện ĐBĐ;
- CCTHADS huyện ĐBĐ;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh ĐB;
- UBND xã Pu Nhi;
- Lưu hồ sơ vụ án.